

Bản án số: 78/2018/HS-PT

Ngày: 19 - 10- 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Việt.

Các Thẩm phán: Ông Trần Hữu Sỹ; Ông Nguyễn Văn Nghĩa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Anh Việt – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Diệu Thuý - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 10 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 63/2018/TLPT-HS ngày 14 tháng 9 năm 2018 đối với bị cáo Bùi Văn H do có kháng cáo của đại diện người bị hại ông Hoàng Văn H; kháng cáo của bị hại ông Nguyễn Văn S; kháng cáo của bị cáo Bùi Văn H đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 15/2018/TLST-HS ngày 16 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình.

- Bị cáo bị kháng cáo và có kháng cáo: Bùi Văn H, sinh ngày 07 tháng 3 năm 1988 tại xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Cư trú tại: Thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hoá: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn N (đã chết) và bà Bùi Thị Đ; có vợ là Nguyễn Thị M và có 03 con sinh các năm 2011, 2013, 2018; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn” Cấm đi khỏi nơi cư trú”, hiện đang tại ngoại. Có mặt.

Người bị hại, người đại diện bị hại có kháng cáo:

Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1966, cư trú tại: Thôn 9, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

Người đại diện theo pháp luật của bị hại Nguyễn Thị T: Ông Hoàng Văn H, sinh năm 1989, cư trú tại Thôn 1 X, xã H, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

Những người tham gia tố tụng khác không có kháng cáo, không bị kháng nghị được triệu tập tham gia phiên tòa phúc thẩm:

Ông Phạm Mạnh H, sinh năm 1983, cư trú tại Thôn 3, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, là người bị hại trong vụ án. Có mặt.

Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1966, cư trú tại Thôn 9, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, là người có quyền lợi liên quan trong vụ án. Có mặt.

Người tham gia tố tụng khác:

Người giám định:

Ông Phạm Văn Tụng – Giám định viên thuộc Sở Giao thông Vận tải tỉnh Quảng Bình. Có mặt;

Ông Trần Anh Tuấn – Giám định viên thuộc Sở Giao thông Vận tải tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

Người làm chứng:

Ông Phan Thanh S, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Có mặt;

Ông Trần Thanh M, sinh năm 1966, cư trú tại thôn T, xã C, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt;

Bà Hoàng Thị C, công tác tại Trường Mầm non xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

Trong vụ án còn có người có quyền lợi liên quan là cháu Nguyễn Hoàng Quốc B sinh năm 2016; có các người làm chứng, người giám định nhưng xét thấy không cần thiết phải tham gia phiên tòa phúc thẩm nên Tòa án không triệu tập tham gia phiên tòa phúc thẩm.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Thực hiện Quyết định số 2600/QĐ-UBND ngày 21 tháng 7 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình về việc tiếp tục phê duyệt điều chỉnh cho phép thực hiện Dự án đường nối Khu kinh tế Hòn La với Khu công nghiệp xi măng tập trung Tiến - Châu – Văn Hóa. Ngày 28 tháng 8 năm 2017, Ban quản lý dự án Đầu tư Xây dựng Khu kinh tế Quảng Bình ký kết hợp đồng thuê xe, máy thi công và cung ứng vật liệu với ông Phạm Mạnh H, trú tại Thôn 3, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình để thi công đoạn đường đi qua trước nhà gia đình ông Nguyễn Văn S, thuộc Thôn 9, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình.

Trước khi tổ chức thi công, ngày 12 tháng 9 năm 2017, Ủy ban nhân dân xã Q đã có Kế hoạch số 23/KH-UBND về việc đảm bảo an ninh trật tự để thi công.

Theo Kế hoạch, khoảng 7 giờ 30 phút ngày 13 tháng 9 năm 2017, lực lượng đảm bảo an ninh trật tự của Ủy ban nhân dân xã Q đến làm nhiệm vụ tại hiện trường thi công. Đơn vị thi công đưa công nhân cùng phương tiện xe, máy và vật liệu đến để chuẩn bị tổ chức thi công. Khi xe ô tô chở vật liệu (đá dăm) cùng máy

móc các loại đèn để thi công thì gia đình ông Nguyễn Văn S, gồm: Ông Nguyễn Văn S, vợ, các con cùng một số người dân đã ra ngăn cản không cho thi công, với lý do “chưa thống nhất việc giải quyết nền nhà ông S thấp hơn mặt đường”. Thấy tình hình diễn biến phức tạp, không thi công được nên một số công nhân được ông Phạm Mạnh H thuê đến thi công đã bỏ đi uống nước. Ông Phan Duy A, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Q đã điện báo cho ông Phan Thanh S là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Q đến chỉ đạo, khi đến ông Phan Thanh S đã vận động gia đình ông Nguyễn Văn S chấp hành Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình và đề nghị đơn vị thi công tiến hành thi công. Lúc này ông Phạm Mạnh H (đơn vị trực tiếp thi công) gọi công nhân tiến hành công việc, song gia đình ông Nguyễn Văn S vẫn tiếp tục cản trở. Khoảng 09 giờ cùng ngày, khi xe ô tô Biển số 73C-047.90 của ông Phạm Mạnh H chở vật liệu nâng ben lên đổ đá dăm xuống khu vực mặt đường thi công thì bà Nguyễn Thị M (vợ ông S) ra phía sau thùng xe nằm xuống đường và con của ông S cũng đến để ngăn cản không cho xe đổ đá. Sự việc có nhiều người đứng xung quanh xem và giằng co kéo bà M ra. Cùng lúc đó, Bùi Văn H điều khiển xe ô tô tải ben, Biển số 73C - 053.92 chở đá bột mua từ mỏ đá Thanh Thủy (xã Tiến Hóa, huyện Tuyên Hóa) trên đường chở về bán cho ông Trần Thanh M, ở thôn T, xã C, huyện Q, tỉnh Quảng Bình chạy theo hướng Tây - Đông từ trên dốc dài xuống, tốc độ khoảng 35 đến 40km/h. Khi H điều khiển xe ô tô chở đá bột chạy đến gần khu vực đang tổ chức thi công đường, H phát hiện thấy phía trước bên trái đường theo hướng Tây – Đông có máy xúc và máy lu đang dừng đậu và cách phía trước xe ô tô của H khoảng 100m có đông người đứng giữa đường và hai bên đường cùng phương tiện thi công là 02 xe ô tô đang dừng, đỗ hai bên đường. Lúc này H đạp rà phanh chân và giảm tốc độ thì thấy phanh chân vẫn còn tác dụng nên H tiếp tục điều khiển cho xe chạy tới. Khi H điều khiển xe ô tô chở bột đá chạy tới cách vị trí đang có đông người đứng lộn xộn và hai xe ô tô đang đậu ngược chiều khoảng 50m thì H đạp hết phanh chân cho xe chạy chậm thì phanh chân không có hiệu lực, tiếp đó H kéo phanh tay để cho xe ô tô dừng lại nhưng xe không dừng được mà vẫn tiếp tục chạy theo đà xuống dốc với vận tốc khoảng trên 40 km/giờ. Do hoảng loạn và mất bình tĩnh, H đã để cho xe ô tô chạy vào giữa các phương tiện và những người đang đứng giữa đường gây tai nạn với người đang đứng giữa đường và phương tiện thi công đường. Phần đầu xe ô tô do H điều khiển va chạm vào kính chiếu hậu của xe ô tô Biển số 73C-077.61 đang dừng ngược chiều ở bên phải đường, rồi tiếp tục đâm va vào bà Nguyễn Thị T, làm bà T ngã xuống đường và bị bánh xe ô tô chạy đè qua, sau đó đâm va tiếp vào người ông Nguyễn Văn S và ông Phạm Mạnh H, đồng thời bên trái xe ô tô do H điều khiển va chạm vào thành thùng xe và ca bin bên trái của xe ô tô Biển số 73C-047.90 đang dừng đỗ ở bên trái

đường. Sau đó xe ô tô do H điều khiển chạy thêm một quãng nữa mới dừng lại bên trái đường. Hậu quả: Bà Nguyễn Thị T (con gái ông Nguyễn Văn S, vợ ông Hoàng Văn H) tử vong tại chỗ, ông Nguyễn Văn S và ông Phạm Mạnh H bị thương, hai xe ô tô của ông Phạm Mạnh H bị hư hỏng.

Kết quả khám nghiệm hiện trường: Nơi xảy ra tai nạn là đoạn đường đang thi công chưa hoàn thiện, mặt đường rải đá cấp phối chưa rải nhựa, rộng 12,70m, đường dốc trên xuống phía Tây cong dần về phía phải theo chiều hướng Đông – Tây. Độ dài từ đỉnh dốc đến chân dốc 573m, độ dốc từ 10^0 đến 15^0 , từ đỉnh dốc phía Tây xuống đến trục bánh sau bên phải của xe ô tô Biển số 73C - 053.92 là 404m. Đoạn đường thuộc khu vực thi công có chiều dài 51,5m, rộng 17m, lồi lõm, gồ ghề có nhiều đất, đá dăm nằm rải rác trên mặt đường.

Xác định điểm đâm va giữa xe ô tô tải Biển số 73C - 053.92 với xe ô tô Biển số 73C - 77.61 và xe ô tô Biển số 73C - 047.90 là mặt trước trục gương chiếu hậu bên phải, có vết cào xước tróc sơn, va chạm vào gương chiếu hậu bên phải và góc trước bên phải ca bin của xe ô tô Biển số 73C - 053.92; mặt nạ phía trước của xe ô tô Biển số 73C - 053.92 va chạm với các nạn nhân, mặt nạ có 02 dấu vết móp lún kích thước 10cm x 11cm hướng từ trước ra sau và bậc để chân lên xuống cửa ca bin bên trái, dè chắn bùn bánh, ốp la răng trước bên trái và bên trái thùng xe Biển số 73C - 053.92 va chạm vào bên phải ca bin và bánh trước bên phải của xe ô tô Biển số 73C - 047.90 dẫn đến tai nạn.

Kết quả khám nghiệm tử thi bà Nguyễn Thị T và giám định thương tật đối với ông Nguyễn Văn S:

Tại bản Kết luận giám định Pháp y số 160/TT, ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Trung tâm giám định Y khoa - Pháp y Sở Y tế tỉnh Quảng Bình, giám định tử thi bà Nguyễn Thị T xác định nguyên nhân chết: Sốc đa chấn thương. Chấn thương ngực, chấn thương bụng, chấn thương vùng chậu phải và đùi phải.

Tại bản Kết luận giám định Pháp y số 349-17/TgT ngày 09 tháng 11 năm 2017 của Trung tâm giám định Y khoa - Pháp y Sở Y tế tỉnh Thừa Thiên Huế kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể của ông Nguyễn Văn S hiện tại là 09% (chín phần trăm);

Ông Phạm Mạnh H bị thương nhưng đã từ chối giám định mức độ tổn thương cơ thể.

Kết quả giám định hệ thống lái và hệ thống phanh của xe ô tô ben Biển số 73C - 053.92:

Tại bản Kết luận giám định số 18/2017-GĐ ngày 25 tháng 9 năm 2017 của Sở Giao thông Vận tải tỉnh Quảng Bình kết luận: Phanh chính (phanh chân) hiện tại có đầy đủ các chi tiết, được lắp ráp đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, hiệu lực phanh không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật. Hệ thống phanh dừng (phanh tay) hiện tại có đầy đủ các chi tiết, được lắp ráp đúng yêu cầu, hiệu lực phanh tay không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật. Hệ thống lái hiện tại có đầy đủ các bộ phận, hiệu lực lái không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật.

Kết quả giám định thiệt hại do bị tai nạn của xe ô tô Biển số 73C - 077.61 và xe ô tô Biển số 73C - 047.90:

Tại Bản Kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện Quảng Trạch kết luận: Xe ô tô Biển số 73C - 077.61 bị hư hỏng thiệt hại 150.000 đồng (một trăm năm mươi ngàn đồng); xe ô tô Biển số 73C - 047.90 bị hư hỏng thiệt hại 11.080.000 đồng (mười một triệu không trăm tám mươi ngàn đồng). Tổng thiệt hại 02 xe ô tô bị hư hỏng là 11.230.000 đồng (mười một triệu hai trăm ba mươi ngàn đồng).

Về vật chứng và xử lý vật chứng:

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Quảng Trạch đã tạm giữ: 01 xe ô tô Biển số 73C - 053.92 và các loại giấy tờ liên quan, xe ô tô được xác định là tài sản của Bùi Văn H và là phương tiện gây tai nạn. Ngày 15 tháng 11 năm 2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quảng Trạch đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 94 trả lại xe ô tô là phương tiện gây tai nạn cho chủ sở hữu Bùi Văn H.

Thu giữ: 01 xe ô tô Biển số 73C - 047.90 và 01 xe ô tô Biển số 73C - 77.61 cùng giấy tờ liên quan của anh Phạm Mạnh H là phương tiện chở vật liệu thi công bị tai nạn. Ngày 02 tháng 10 năm 2017 cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quảng Trạch đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 87 trả lại 02 xe ô tô nói trên cho ông Phạm Mạnh H là chủ sở hữu.

Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Quá trình điều tra ông Hoàng Văn H chồng của nạn nhân Nguyễn Thị T yêu cầu bị cáo Bùi Văn H bồi thường chi phí mai táng, tiền cấp dưỡng nuôi con nhỏ đến khi đủ 18 tuổi, tiền bù đắp tổn thất tinh thần với tổng số tiền là 2.774.811.500 đồng (hai tỷ bảy trăm bảy mươi bốn triệu tám trăm mười một ngàn năm trăm đồng);

Ông Nguyễn Văn S là người bị thương tích yêu cầu bị cáo Bùi Văn H bồi thường chi phí điều trị vết thương và thiệt hại đối với bản thân ông và cũng như thiệt hại đối với gia đình ông và gia đình của chồng bà T với số tiền là 376.000.000 đồng (ba trăm bảy mươi sáu triệu đồng). Do giữa gia đình bị hại và bị cáo Bùi Văn H không thỏa thuận được mức bồi thường, phía gia đình bị hại cũng không đồng ý nhận tiền bồi thường nên bị cáo H tự nguyện nộp tại Cơ quan điều tra số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) để bồi thường cho gia đình nạn nhân và người bị thương, ngay sau khi xảy ra sự việc, bị cáo đã hỗ trợ cho gia đình nạn nhân số tiền 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng). Hiện tại số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quảng Trạch đã tạm gửi tại Kho bạc Nhà nước huyện Quảng Trạch.

Đối với ông Phạm Mạnh H là người bị tai nạn do Bùi Văn H gây ra và là chủ sở hữu của 02 xe ô tô bị hư hỏng do tai nạn đã cùng với bị cáo H thỏa thuận bồi thường một lần bao gồm tiền điều trị vết thương, tiền tổn thất tinh thần và tiền sửa chữa hai xe ô tô bị hư hỏng với tổng số tiền là 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng). Ông Phạm Mạnh H đã nhận đủ số tiền theo thỏa thuận và cam kết không

khieu kiện, khieu nại, yêu cầu gì thêm về dân sự và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Bùi Văn H.

Cáo trạng số 08/CT-VKSQT ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch truy tố bị cáo Bùi Văn H về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” theo quy định tại khoản 1 Điều 202 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Bản án số 15/2018/HS-ST, ngày 16 tháng 7 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện Quảng Trạch quyết định tuyên bố bị cáo Bùi Văn H phạm tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”.

Áp dụng khoản 1 Điều 202; các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999; Điều 30; khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tổ tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14;

Xử phạt bị cáo Bùi Văn H 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Tách phần trách nhiệm bồi thường dân sự để giải quyết theo thủ tục Tổ tụng dân sự khi người bị hại, người đại diện hợp pháp của người bị hại, người có quyền lợi liên quan có yêu cầu.

Trả lại Giấy phép lái xe và số tiền 100.000.000 đồng đang tạm giữ cho Bùi Văn H; buộc bị cáo Bùi Văn H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm; tuyên quyền kháng cáo của bị cáo, người bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật.

Trong hạn luật định, ngày 20 tháng 7 năm 2018, Toà án nhân dân huyện Quảng Trạch nhận đơn kháng cáo của bị hại ông Nguyễn Văn S và đơn kháng cáo của ông Hoàng Văn H là người đại diện hợp pháp của bị hại Nguyễn Thị T cùng nội dung: Kháng cáo toàn bộ Bản án hình sự sơ thẩm số 15/2018/HS-ST, ngày 16 tháng 7 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện Quảng Trạch vì trong quá trình điều tra có quá nhiều vi phạm thủ tục tố tụng nên kết luận không đúng sự thật khách quan của vụ án và hành vi phạm tội của bị cáo Bùi Văn H theo hậu quả mà bị cáo Bùi Văn H đã gây ra;

Bị cáo Bùi Văn H phạm tội gây thương tích đối với 2 người, làm chết 1 người là phụ nữ có thai nên phải bị xét xử theo điểm đ khoản 2 Điều 202 Bộ luật Hình sự năm 1999. Ngoài tội danh trên thì cần phải xem xét thêm các tội phạm khác đối với Bùi Văn H theo hành vi phạm tội của bị cáo.

Trong hạn luật định, bị cáo Bùi Văn H kháng cáo cho rằng tai nạn xảy ra ngoài ý muốn của bị cáo, có phần lỗi của bị hại, của đơn vị thi công đường, sau tai nạn bị cáo đã tích cực hợp tác để khắc phục thiệt hại cho bị hại, được bị hại Phạm Mạnh H đề nghị giảm nhẹ hình phạt. Hoàn cảnh gia đình bị cáo hiện tại đang gặp nhiều khó khăn, xin được hưởng án treo để lao động chăm lo cuộc sống gia đình.

Ngày 15 tháng 10 năm 2018, Bùi Văn H giao nộp 01 USB quay lại diễn biến vụ tai nạn ngày 13 tháng 9 năm 2017, sau khi tiếp nhận, cán bộ Toà án đã cho USB vào phong bì và niêm phong có chữ ký của Bùi Văn H và chữ ký của cán bộ niêm

phong; 01 Bệnh án của Bùi Văn H điều trị gãy thân xương quay tay trái, điều trị tại Bệnh viện Trung ương Huế, vào viện ngày 20 tháng 9 năm 2018, ra viện ngày 26 tháng 9 năm 2018, phương pháp điều trị: Phẫu thuật kết hợp xương đầu dưới xương quay và khâu nối gân. Tình trạng khi ra viện: Tạm ổn, uống thuốc theo đơn.

Tại phiên toà phúc thẩm:

Bị hại Nguyễn Văn S và ông Hoàng Văn H là người đại diện hợp pháp của bị hại Nguyễn Thị T giữ nguyên các nội dung theo đơn kháng cáo, yêu cầu xử phạt Bùi Văn H theo hậu quả làm bị thương đối với 2 người, làm chết 1 người là phụ nữ có thai theo điểm đ khoản 2 Điều 202 Bộ luật Hình sự năm 1999. Ngoài tội danh trên thì cần phải xem xét thêm các tội danh khác đối với Bùi Văn H theo hành vi phạm tội của bị cáo.

Bị cáo Bùi Văn H giữ nguyên kháng cáo theo các nội dung đã trình bày tại đơn kháng cáo, xin được hưởng án treo để lao động chăm lo cuộc sống gia đình.

Sau phần tranh luận đối đáp, bị hại ông Nguyễn Văn S và ông Hoàng Văn H là người đại diện hợp pháp của bị hại Nguyễn Thị T đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo Bùi Văn H được hưởng án treo, yêu cầu buộc bị cáo phải bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật. Bị cáo Bùi Văn H, bị hại ông Nguyễn Văn S, ông Hoàng Văn H người đại diện hợp pháp của người bị hại thoả thuận giao cho ông Nguyễn Văn S và ông Hoàng Văn H nhận số tiền 100.000.000 đồng mà Bản án sơ thẩm tuyên trả lại cho bị cáo Bùi Văn H để khấu trừ vào số tiền mà bị cáo phải bồi thường cho người bị hại khi ông Nguyễn Văn S và ông Hoàng Văn H có yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại theo quyết định của Bản án sơ thẩm tách phần trách nhiệm bồi thường dân sự để giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự khi người bị hại, người đại diện hợp pháp của người bị hại, người có quyền lợi liên quan có yêu cầu.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố xét xử phúc thẩm vụ án đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị cáo Bùi Văn H và ý kiến của bị hại ông Nguyễn Văn S và ý kiến của người đại diện hợp pháp của bị hại Nguyễn Thị T là ông Hoàng Văn H tại phiên toà để sửa Bản án sơ thẩm, áp dụng thêm Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999 đối với bị cáo Bùi Văn H, giữ y mức án 12 tháng tù đối với bị cáo Bùi Văn H nhưng cho Bùi Văn H được hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo theo quy định của pháp luật. Ghi nhận sự thoả thuận giữa bị cáo với bị hại, đại diện bị hại về việc giao cho ông Nguyễn Văn S và ông Hoàng Văn H nhận số tiền 100.000.000 đồng mà Bản án sơ thẩm tuyên trả lại cho bị cáo Bùi Văn H để khấu trừ vào số tiền mà bị cáo phải bồi thường cho người bị hại khi ông Nguyễn Văn S và ông Hoàng Văn H có yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau.

Sáng ngày 13 tháng 9 năm 2017, Bùi Văn H điều khiển xe ô tô tải ben, Biển số 73C - 053.92 chở đá bột mua từ mỏ đá Thanh Thủy (xã Tiến Hóa, huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình) đưa về bán lại cho ông Trần Thanh M làm nghề đúc đá lô, ở thôn T, xã C, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Khi Bùi Văn H điều khiển xe ô tô chở bột đá chạy qua địa phận Thôn 9, xã Q, huyện Q thì gặp lúc ông Nguyễn Văn S cùng các thành viên trong gia đình ra ngăn cản đơn vị thi công đang đưa xe máy, đổ vật liệu để thi công đoạn đường đi qua Thôn 9, xã Q, huyện Q theo tuyến đường nối khu kinh tế Hòn La với Khu công nghiệp xi măng tập trung Tiến – Châu – Văn Hoá. Khi Bùi Văn H điều khiển xe ô tô Biển số 73C - 053.92 chở đá bột chạy đến đỉnh dốc cách điểm thi công đường khoảng 100 m, Bùi Văn H đã phát hiện thấy có đông người và xe máy lộn xộn, Bùi Văn H đạp phanh kiểm tra thấy phanh chân có hiệu lực nên điều khiển cho xe xuống dốc nhưng khi xe ô tô cách điểm thi công đường có đông người và xe máy lộn xộn khoảng 50 m, Bùi Văn H đạp phanh chân và kéo phanh tay cho xe ô tô Biển số 73C - 053.92 dừng lại nhưng cả phanh chân và phanh tay đều không có hiệu lực. Do hoảng loạn và mất bình tĩnh, Hiếu đã để cho xe ô tô chạy vào giữa các phương tiện và những người đang đứng giữa đường gây tai nạn với người đang đứng giữa đường và phương tiện thi công đường. Hậu quả làm bà Nguyễn Thị T (con gái ông Nguyễn Văn S, vợ ông Hoàng Văn H) tử vong tại chỗ, ông Nguyễn Văn S và ông Phạm Mạnh H bị thương, hai xe ô tô của ông Phạm Mạnh H bị hư hỏng.

Quá trình điều tra, bị hại Nguyễn Văn S và ông Hoàng Văn H đại diện người bị hại cho rằng Bùi Văn H phạm tội do được đơn vị thi công và Ủy ban nhân dân xã Q thuê để giải tán việc ông Nguyễn Văn S và các thành viên trong gia đình ra ngăn cản không cho đơn vị thi công đoạn đường chạy qua trước nhà ông Nguyễn Văn S. Quá trình điều tra thấy không có căn cứ quy kết Bùi Văn H phạm tội do được đơn vị thi công và Ủy ban nhân dân xã Q thuê Bùi Văn H sử dụng xe ô tô để giải tán đám đông mà chỉ có căn cứ quy kết Bùi Văn H phạm tội do vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ được quy định tại Điều 202 Bộ luật Hình sự năm 1999. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch truy tố Bùi Văn H về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” theo quy định tại khoản 1 Điều 202 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên toà sơ thẩm, bị hại Nguyễn Văn S và ông Hoàng Văn H đại diện người bị hại vẫn cho rằng Bùi Văn H phạm tội do được đơn vị thi công và Ủy ban nhân dân xã Q thuê để giải tán những người ngăn cản việc thi công đường của đơn vị thi công đoạn đường qua trước nhà ông Nguyễn Văn S ở Thôn 9, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Kết quả xét xử thấy ý kiến của bị hại Nguyễn Văn S và ý kiến của ông Hoàng Văn H đại diện người bị hại không có căn cứ nên Toà án cấp sơ thẩm đã quyết định tuyên bố bị cáo Bùi Văn H phạm tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”. Áp dụng khoản 1 Điều 202; các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Bùi Văn H 12 (mười hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

[1] Xét các nội dung kháng cáo của bị hại Nguyễn Văn S và ông Hoàng Văn H là người đại diện hợp pháp của bị hại Nguyễn Thị T yêu cầu xử phạt Bùi Văn H theo hậu quả làm chết 1 người là phụ nữ có thai và còn làm bị thương 2 người nên phải bị xét xử theo điểm đ khoản 2 Điều 202 Bộ luật Hình sự năm 1999. Ngoài tội danh trên thì cần phải xem xét thêm các tội phạm khác đối với Bùi Văn H theo hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử phúc thẩm vụ án thấy:

Theo kết quả điều tra và xét xử ở giai đoạn sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm thì không có căn cứ quy kết đơn vị thi công và Ủy ban nhân dân xã Q thuê Bùi Văn H chạy xe ô tô lao vào đám đông để giải tán việc ông Nguyễn Văn S và các thành viên trong gia đình ra ngăn cản việc thi công đoạn đường chạy qua trước nhà ông Nguyễn Văn S mà ông đang có khiếu nại không đồng ý cho thi công vì mặt đường được thi công sẽ cao hơn nền nhà mà ông đang ở.

Theo kết quả của quá trình điều tra và xét xử thì nguyên nhân của vụ tai nạn được xác định do Bùi Văn H quá tự tin vào hệ thống phanh của xe ô tô Biển số 73C - 053.92 do H điều khiển trong quá trình sử dụng và khi điều khiển xe đến đầu đỉnh dốc vẫn còn hiệu lực nên ngay ở đỉnh dốc, khi Bùi Văn H phát hiện thấy phía trước dưới dốc bên trái đường theo hướng Tây – Đông có máy xúc và máy lu đang dừng đậu và cách phía trước xe ô tô của H khoảng 100m có đông người đang đứng giữa đường và hai bên đường cùng phương tiện thi công là 02 xe ô tô đang dừng, đỗ, H đã không cho xe dừng lại để xem xét sự việc mà vẫn tiếp tục điều khiển cho xe ô tô có tải xuống dốc nên khi H điều khiển xe ô tô chở bột đá xuống dốc cách vị trí đang có đông người đứng lộn xộn và hai xe ô tô đang đậu ngược chiều khoảng 50m và đạp phanh chân, kéo phanh tay thì hệ thống phanh chân và phanh tay, hệ thống lái của xe ô tô Biển số 73C - 053.92 do H điều khiển không có hiệu lực. Xe ô tô do H điều khiển chạy theo đà xuống dốc với vận tốc trên 40 km/h, gây tai nạn làm làm chết 1 người và làm bị thương 2 người trong đám đông mà H đã phát hiện được trước đó, làm hư hỏng 2 xe ô tô đang đậu bên đường.

Theo lời khai nhận tội của bị cáo Bùi Văn H tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có tại hồ sơ vụ án như Biên bản khám nghiệm hiện trường vụ tai nạn giao thông; Biên bản khám nghiệm phương tiện tham gia giao thông gây tai nạn là xe ô tô Biển số 73 C – 053.92 do Bùi Văn H điều khiển; Kết luận giám định số 18/2017-GĐ ngày 25 tháng 9 năm 2017 của Sở Giao thông Vận tải tỉnh Quảng Bình về hệ thống phanh, hệ thống lái xe ô tô Biển số 73 C – 053.92 không bảo đảm yêu cầu kỹ thuật và ý kiến của các Giám định viên tại phiên tòa; Kết luận giám định pháp y tử thi, nguyên nhân gây tử vong của bà Nguyễn Thị T của Cơ quan chuyên môn; lời khai của người làm chứng, lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm..., Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy hành vi phạm tội của bị cáo Bùi Văn H chỉ có đủ yếu tố cấu thành của tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” được quy định tại Điều 202 Bộ luật Hình sự năm 1999. Bản án hình sự sơ thẩm số 15/2018/HS-ST ngày 16 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch quyết định tuyên bố bị

cáo Bùi Văn H phạm tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” là đúng người, đúng tội, có căn cứ, đúng pháp luật.

Theo kết quả điều tra và xét xử thì không có căn cứ để kết luận Bùi Văn H cố tình lao xe ô tô vào đám đông vì do được Ủy ban nhân dân xã Q và đơn vị thi công thuê để giải tán đám đông đang ngăn cản không cho thi công đoạn đường chạy qua trước nhà ông Nguyễn Văn S ở Thôn 9, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Theo đó không có căn cứ để thay đổi tội danh theo lỗi tai nạn được xác định đối với Bùi Văn H.

Bị cáo Bùi Văn H phạm tội khi Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 (Bộ luật Hình sự năm 2015) chưa có hiệu lực nhưng được xét xử khi Bộ luật Hình sự năm 2015 đã có hiệu lực, qua xem xét thấy các quy định tại Điều 202 của Bộ luật Hình sự năm 1999 về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” có lợi hơn đối với người phạm tội so với quy định tại Điều 260 Bộ luật Hình sự năm 2015 về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”, Bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch áp dụng các quy định của Bộ luật Hình sự năm 1999 để xét xử đối với bị cáo Bùi Văn H là áp dụng đúng pháp luật theo quy định của Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc Hội về thi hành Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14.

Theo lỗi tai nạn gây hậu quả làm chết 1 người, làm 2 người bị thương nhưng chỉ có một người bị thương là ông Nguyễn Văn S được giám định kết luận tổn thương cơ thể 09%; ông Phạm Mạnh H có bị thương nhưng từ chối giám định mức độ tổn thương cơ thể; 2 xe ô tô bị hư hỏng được giám định kết luận thiệt hại 11.230.000 đồng, Bản án Hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch áp dụng khoản 1 Điều 202 Bộ luật Hình sự năm 1999 để xét xử đối với bị cáo Bùi Văn H là đã áp dụng đúng quy định của pháp luật theo các hướng dẫn của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, của Liên ngành Trung ương, đó là: Khoản 4 Nghị quyết số 02/2003/NQ-HĐTP ngày 17 tháng 4 năm 2003 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Hình sự về các tình tiết “gây thiệt hại nghiêm trọng”, “gây hậu quả rất nghiêm trọng”, “gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng” quy định tại Điều 202 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12 tháng 5 năm 2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Hình sự về tình tiết phạm tội đối với trẻ em, phụ nữ có thai, người già quy định tại điểm h khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 2 Thông tư Liên tịch số 09/2013/TTLT-BCA-BQP-BTP-VKSNDTC-TANDTC ngày 28 tháng 3 năm 2013 của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tư pháp, Viện kiểm sát nhân dân Tối cao, Tòa án nhân dân Tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định tại Chương XIX của Bộ luật Hình sự về các tội xâm phạm trật tự, an toàn giao thông.

Do Bản án sơ thẩm đã quyết định đúng tội danh “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”, áp dụng đúng khung hình phạt “khoản 1

Điều 202 Bộ luật Hình sự năm 1999” để xét xử đối với bị cáo Bùi Văn H nên cấp phúc thẩm không có căn cứ để chấp nhận các nội dung kháng cáo của người bị hại ông Nguyễn Văn S; kháng cáo của ông Hoàng Văn H người đại diện hợp pháp của người bị hại.

[2] Xét kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo Bùi Văn H, Hội đồng xét xử thấy, bị cáo bị truy tố và xét xử về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” theo khoản 1 Điều 202 Bộ luật Hình sự năm 1999 theo lỗi gây tai nạn làm chết 1 người, làm 2 người bị thương nhưng chỉ có một người bị thương là ông Nguyễn Văn S có yêu cầu giám định kết luận tổn thương cơ thể 09%; 2 xe ô tô bị hư hỏng được giám định Kết luận thiệt hại 11.230.000 đồng, sau khi tai nạn xảy ra và trong quá trình điều tra, bị cáo Bùi Văn H đã nộp tiền bồi thường cho gia đình ông Nguyễn Văn S, ông Hoàng Văn H 40.000.000 đồng, nộp vào Kho bạc Nhà nước Chi nhánh huyện Quảng Trạch để bồi thường cho bị hại ông Nguyễn Văn S, và đại diện bị hại ông Hoàng Văn H 100.000.000 đồng; nộp bồi thường chi phí điều trị và thiệt hại về tài sản cho ông Nguyễn Mạnh H theo thoả thuận 70.000.000 đồng, được bị hại Nguyễn Mạnh H có ý kiến đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, theo đó bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ của các điểm b, p khoản 1 và tình tiết giảm nhẹ của khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999. Tại phiên toà phúc thẩm, sau phần tranh tụng, đối đáp, bị cáo được người bị hại có kháng cáo là ông Nguyễn Văn S và ông Hoàng Văn H là người đại diện hợp pháp của người bị hại có kháng cáo đề nghị cho bị cáo được hưởng án treo. Theo tính chất, mức độ vụ án, các tình tiết giảm nhẹ mà bị cáo được hưởng, tình tiết mới bị cáo được người bị hại và người đại diện hợp pháp của người bị hại có kháng cáo đề nghị cho bị cáo được hưởng án treo, Hội đồng xét xử thấy hoàn cảnh gia đình của bị cáo đang gặp nhiều khó khăn, hiện tại bị cáo đang bị gãy tay chưa hồi phục nên cần chấp nhận kháng cáo của bị cáo Bùi Văn H để sửa Bản án sơ thẩm, giữ y mức án 12 tháng tù theo quyết định của Bản án sơ thẩm nhưng cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo có điều kiện chăm lo cuộc sống gia đình và bồi thường thiệt hại cho bị hại theo quyết định tách phần dân sự để giải quyết bằng vụ án khác khi người bị hại, người đại diện bị hại có yêu cầu.

[3] Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra:

Bản án sơ thẩm quyết định: Tách phần trách nhiệm bồi thường dân sự để giải quyết theo thủ tục Tố tụng dân sự khi người bị hại, người đại diện hợp pháp của người bị hại, người có quyền lợi liên quan có yêu cầu. Tại phiên toà phúc thẩm giữa bị cáo với người bị hại, người đại diện hợp pháp của người bị hại có kháng cáo thoả thuận giao cho ông Nguyễn Văn S và ông Hoàng Văn H nhận số tiền 100.000.000 đồng mà Bản án sơ thẩm tuyên trả lại cho bị cáo Bùi Văn H để khấu trừ vào số tiền mà bị cáo phải bồi thường cho người bị hại khi ông Nguyễn Văn S và ông Hoàng Văn H có yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận sự thoả thuận này để ông Nguyễn Văn S và ông Hoàng Văn

H được nhận số tiền 100.000.000 đồng mà Bản án sơ thẩm tuyên trả lại cho bị cáo Bùi Văn H.

Giữ y quyết định của Bản án sơ thẩm về tách phần trách nhiệm bồi thường dân sự để giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự khi người bị hại, người đại diện hợp pháp của người bị hại, người có quyền lợi liên quan có yêu cầu; trả lại Giấy phép lái xe cho Bùi Văn H; buộc bị cáo Bùi Văn H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm đối với bị cáo Bùi Văn H.

Vụ án được xét xử phúc thẩm theo kháng cáo của người bị hại và kháng cáo của đại diện hợp pháp của người bị hại; kháng cáo của bị cáo Bùi Văn H, được cấp phúc thẩm chấp nhận để sửa Bản án sơ thẩm nên bị cáo Bùi Văn H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 các điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điểm a, b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357; khoản 2 các Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về Án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị hại ông Nguyễn Văn S và kháng cáo của người đại diện hợp pháp của người bị hại ông Hoàng Văn H đề nghị xem xét lại toàn bộ Bản án sơ thẩm, xem xét lại tội danh, khung hình phạt đối với bị cáo Bùi Văn H theo quyết định của Bản án sơ thẩm.

2. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Bùi Văn H và ý kiến đề nghị của người bị hại, của người đại diện hợp pháp của người bị hại có kháng cáo tại phiên tòa để sửa Bản án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 1 Điều 202, các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 theo Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc Hội về thi hành Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14 đối với bị cáo Bùi Văn H.

Xử phạt bị cáo Bùi Văn H 12 (mười hai) tháng tù cho hưởng án treo về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”. Thời gian thử thách án treo đối với bị cáo Bùi Văn H là 24 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (19 tháng 10 năm 2018).

Giao bị cáo Bùi Văn H cho UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách án treo, gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong thời gian thử thách mà bị cáo Bùi Văn H thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về Thi hành án Hình sự. Trong thời gian thử thách mà bị cáo Bùi Văn H cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Toà án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của Bản án đã cho hưởng án treo.

3. Chấp nhận sự thoả thuận giữa bị cáo Bùi Văn H với bị hại ông Nguyễn Văn S; ông Hoàng Văn H người đại diện hợp pháp của người bị hại, giao cho ông Nguyễn Văn S và ông Hoàng Văn H nhận số tiền 100.000.000 đồng mà Bản án sơ thẩm tuyên trả lại cho bị cáo Bùi Văn H để khấu trừ vào số tiền mà bị cáo Bùi Văn H phải bồi thường cho người bị hại khi ông Nguyễn Văn S và ông Hoàng Văn H có yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại theo quyết định của Bản án sơ thẩm tách phần trách nhiệm bồi thường dân sự để giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự khi người bị hại, người đại diện hợp pháp của người bị hại, người có quyền lợi liên quan có yêu cầu. Số tiền 100.000.000 đồng đã được Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Quảng Trạch nộp vào tài khoản số 3949.0.9042498.00000, Kho bạc Nhà nước huyện Quảng Trạch ngày 25 tháng 12 năm 2017 với nội dung: Nộp tiền tạm giữ vụ tai nạn giao thông.

Giữ y quyết định của Bản án sơ thẩm về tách phần trách nhiệm bồi thường dân sự để giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự khi người bị hại, người đại diện hợp pháp của người bị hại, người có quyền lợi liên quan có yêu cầu; trả lại Giấy phép lái xe cho Bùi Văn H; buộc bị cáo Bùi Văn H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước.

3. Bị cáo Bùi Văn H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án phúc thẩm (19 tháng 10 năm 2018).

Nơi nhận:

- Theo khoản 2 Điều 262 Bộ luật TTHS;
- Phòng HSNVCS CAQB;
- Vụ GDKT 1 TAND TC;
- Sở Tư pháp Q Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn THS, VP TAQB.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**
(Đã ký)

Nguyễn Xuân Việt